

# PHÁC THẢO NHÂN HỌC VĂN HÓA TỪ LỊCH SỬ

TRẦN HOÀNG TIẾN

Email: tranhoangtien@spnttw.edu.vn

Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

## OUTLINE OF CULTURAL ANTHROPOLOGY FROM HISTORY

### TÓM TẮT

Theo chiều lịch sử, những tư liệu, truyền thuyết trong đời sống xã hội là tiền đề cho ngành Nhân học văn hóa hình thành, giải quyết trọn vẹn quan hệ biện chứng giữa con người và văn hóa. Từ thời cổ đại đến ngày nay, trải qua hàng ngàn năm, Nhân học văn hóa góp phần xây dựng quan điểm: nhân loại là chủ thể sáng tạo văn hóa, văn minh, xây dựng xã hội phát triển, là điều kiện nghiên cứu toàn diện con người đang tồn tại trên trái đất này.

**Từ khóa:** Nhân học, Nhân học văn hóa, lịch sử, dân tộc học

### ABSTRACT

Throughout history, documents and legends in social life have served as the groundwork for the formation of the field of cultural anthropology, providing a comprehensive resolution to the dialectical relationship between humans and culture. From ancient times to the present day, spanning thousands of years, cultural anthropology has contributed to shaping the perspective that humans are the creators of culture and civilization, constructing a society for development. It is a prerequisite for comprehensively studying the human existence on this planet.

**Keywords:** Anthropology, Cultural Anthropology, History, Ethnology

### 1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật công nghệ 4.0 đầu thế kỷ XXI đã thay đổi toàn diện xã hội loài người. Internet/mạng viễn thông toàn cầu phát triển nhanh, kết nối các quốc gia trên thế giới, điện thoại di động/Mobile phone ứng dụng nhiều kỹ thuật công nghệ tiên tiến, đặc biệt công nghệ AI/Artificial Intelligence (trí tuệ nhân tạo) đã, đang thay đổi cơ bản đời sống nhân loại. Những thành tựu, tiến bộ khoa học là làn sóng lan tỏa đến từng ngôi nhà, cộng đồng, ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ tới mọi quốc gia, làm biến đổi sâu sắc văn hóa dân tộc. Ngôi nhà chung trái đất hiệu theo quan niệm toàn cầu hóa được Thomas Loren Friedman<sup>1</sup> nêu gồm 3 đặc trưng tiêu biểu: công nghệ thông tin, nguồn nhân lực (chất lượng, truyền thông văn hóa) và giao lưu văn hóa. Về tổng thể, T.L. Friedman đưa ra tiên đoán một thế giới phẳng đại đồng, trong đó nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng. Sự khẳng định trí tuệ thông minh loài người là động lực tạo thay đổi diện mạo xã hội không phải là vấn đề mới, nhưng so với thời kỳ trước (30 năm cuối thế kỷ XX) thì 2 thập kỷ đầu thế kỷ XXI cho thấy sự phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ diễn

ra nhanh, nhiều thành tựu ứng dụng mang tính đột phá. Năm 2007, cuốn sách Toàn cầu hóa văn hóa<sup>2</sup> của Dominique Wolton, gồm 5 chương, trong đó khẳng định mối quan hệ: bản sắc - văn hóa - truyền thông tạo ra 3 đỉnh tam giác nóng hiện nay. Đó chưa phải là lý thuyết văn hóa chung cho các dân tộc, nhưng phần nào tập trung vào vấn đề được UNESCO của Liên Hợp Quốc xác định 10 năm cuối thế kỷ XX (1987 - 1997): Văn hóa là động lực xây dựng và phát triển xã hội loài người trên toàn thế giới, gọi là Thập kỷ văn hóa vì phát triển. Sau đó, UNESCO tiếp tục mở rộng vai trò giáo dục trong văn hóa với mục đích: Thập kỷ giáo dục cho mọi người (1990 - 2000). Vai trò văn hóa được Liên Hợp Quốc xác định là nền móng tạo nên ngôi nhà trái đất chung, lấy năm 2000 là năm quốc tế vì hòa bình. Suốt những năm đầu thế kỷ XXI, những thuật ngữ: thế giới phẳng, toàn cầu hóa cùng bị cuốn vào sự phát triển vũ bão của khoa học công nghệ, được gọi chung là cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 (The Fourth Industrial Revolution). Đây là sự tiếp nối mang tính liên tục, tác động đến mọi ngóc ngách trên thế giới trong quá trình phát triển hướng tới tương lai của loài người.

## CULTURE

Những vấn đề nêu trên cho thấy hiện nay nhân loại đang đối diện nhiều thách thức, không chỉ khác biệt giữa các nền văn hóa với phong tục, tập quán, tôn giáo... mà phải giải quyết hàng loạt khó khăn nảy sinh từ quá trình chung sống giữa các dân tộc, quốc gia dưới một mái nhà chung/trái đất nhằm đối phó nạn đói, dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh... mang tính toàn cầu. Những vấn đề lớn của nhân loại đặt ra nhiệm vụ cần nghiên cứu lại bản chất người với tâm lý, lối sống, ý thức, đạo đức trong nhiều hình thái xã hội khác nhau, rộng hơn là các nền văn hóa quốc gia trên thế giới. Vậy bản chất người là gì? Tại sao phải nghiên cứu con người với tư cách chủ thể hành tinh này? Con người có vai trò ra sao trong phát triển, suy vong nhân loại từ thời cổ đại đến đương đại? Tất cả cần nghiên cứu cụ thể trong ngành nhân học, lĩnh vực đang nhận được sự quan tâm của các nhà khoa học trên thế giới. Trong đó, nhân học văn hóa là hướng nghiên cứu toàn diện, sâu sắc trong mối quan hệ biện chứng: con người - văn hóa.

Việt Nam - quốc gia có chiều sâu lịch sử hàng ngàn năm, điều kiện địa lý tự nhiên tạo cho dải đất hình chữ S sớm trở thành nơi hội tụ nhiều nhóm cư dân cổ đại, nối liền Đông Nam Á đất liền và hải đảo; nơi giao lưu, tiếp biến văn hóa diễn ra liên tục từ thời tiền sử, sơ sử đến nay. Các khối nguyên tiền tộc liên tục di trú lúc đông, khi lẻ tẻ tạo các đợt chuyển cư không ngừng, cùng nhau đan cài sắc thái văn hóa phong phú, đa tầng, đa lớp. Đây là đặc điểm của một Việt Nam hiện đại với 54 thành phần tộc người, nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau trải dài từ Bắc vào Nam. Khái niệm Việt Nam - quốc gia cộng đồng tộc người thống nhất trong đa dạng trở thành định thức chung, theo cách hiểu Việt Nam là khối cộng đồng dân tộc đồng nhất, cùng cộng hưởng, đồng quy xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc. Những nghiên cứu gien người Việt trong điều kiện hiện đại là minh chứng rõ ràng, cụ thể cho thấy 54 thành phần tộc người ở Việt Nam có mối quan hệ gần gũi về huyết thống, nhân dạng, văn hóa. Nội dung bài viết này trình bày Nhân học văn hóa trong nghiên cứu bản chất văn hóa từ góc nhìn lịch sử, với tên gọi: Phác thảo Nhân học văn hóa từ lịch sử.

Để phân đặt vấn đề minh triết hơn, dưới đây là trích đoạn trong tuyên bố Chính sách văn hóa tại hội nghị quốc tế về văn hóa của UNESCO năm 1982 tại Mexico: Văn hóa là tổng thể những đặc thù về tinh thần và vật chất, về trí tuệ và xúc cảm quy định tính cách của một xã hội hay của một nhóm xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của những hệ thống giá trị, những truyền thống và tín ngưỡng. Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt - con người có lý tính, có óc phê phán và dẫn

thân một cách đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm kiếm không mệt mỏi những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình vượt qua cả giới hạn của bản thân<sup>3</sup>.

## 2. Nhân học văn hóa hình thành theo lịch sử loài người

### 2.1. Thời cổ đại

Từ thời cổ đại, những nghiên cứu về đời sống, xã hội các dân tộc bắt đầu hình thành, xuất phát từ nhu cầu thương mại, cuộc chiến tranh giành giữa các nước nhằm chiếm đoạt của cải, mở rộng đất đai, chiếm hữu nô lệ. Sử thi Odyssey (khoảng thế kỷ IX trước Công nguyên) có nhiều trường đoạn kể về con người, từ tổ chức gia đình đến các vùng đất khác nhau. Tất cả cho thấy phương pháp xây dựng đời sống, văn hóa, xã hội cổ xưa đan xen, chông chéo trong mối quan hệ người - người đầy bất an, phức tạp. Đến thế kỷ V trước Công nguyên, các sử gia Hy Lạp - La Mã đề cập con người trong từng bối cảnh xã hội, là giai đoạn để lại dấu ấn qua những bản anh hùng ca về chiến tranh thôn tính đất đai, chiếm hữu nô lệ, cướp bóc của cải, mở rộng đế chế Hy - La. Dấu vết nguồn gốc ngành Dân tộc học, Nhân học văn hóa được nhắc đến nhiều nhất qua công trình Lịch sử của nhà sử học Hy Lạp Herodotus (khoảng năm 450 trước Công nguyên), Herodotus là nhà tư tưởng đầu tiên trình bày quan điểm Nhân học. Trong cuốn sách, Herodotus mô tả văn hóa nhiều dân tộc, tộc người bị đế chế Hy Lạp chinh phục, những tác động, ảnh hưởng qua lại giữa văn hóa Hy Lạp với Ba Tư và phương Đông. Herodotus được coi là cha đẻ của ngành Nhân học<sup>4</sup>.

Qua những ghi chép sơ thảo mô tả lại, có thể hiểu phong tục, tập quán ngôn ngữ, đặc điểm sinh hoạt con người thời cổ đại. Thời kỳ này nổi lên các trung tâm văn minh loài người lớn nhất, đó là: Lưỡng Hà, Trung Hoa, Hy Lạp - La Mã.

Các tài liệu ghi chép thời kỳ cổ đại tạo bức tranh phản ánh diện mạo lịch sử loài người với nhiều biến cố, chịu tác động từ các cuộc chiến tranh liên miên mở rộng lãnh thổ, đồng thời đánh dấu sự thay đổi cấu trúc xã hội, từ đại đồng (Nghieu, Thuấn ở Trung Hoa) đến quá trình giải thể xã hội thị tộc chuyển sang xã hội giai cấp như Rô-ma.

Kinh Cựu ước, bản ghi chép kể về gia đình Noah (Nô-ê) ra đời trước Công nguyên hàng trăm năm, khởi thủy nguồn cảm hứng dẫn dắt cách hiểu con người, được cha cố linh mục rao giảng trong nhà thờ. Đây là nhận thức huyền bí sơ khởi về Dân tộc học và Nhân học, thuật ngữ gọi là giai đoạn tiền nhân loại.

## CULTURE

### 2.2. *Từ phát kiến địa lý thời trung đại ở châu Âu đến Nhân học văn hóa*

Những phát kiến địa lý suốt thế kỷ XV - XVI làm thay đổi nhận thức con người về thế giới. Văn minh phương Tây vẫn gọi giai đoạn này là thời kỳ thám hiểm (age of exploration) khi Christopher Columbus (1451 - 1506) phát hiện ra châu Mỹ (1492), Ferdinand Magellan (1480 - 1521) hoàn thành chuyến đi vòng quanh thế giới. Lần đầu tiên châu Âu hiểu rõ sự tồn tại của cư dân châu Phi, châu Mỹ, châu Á. Mặc dù mỗi quan tâm lúc đó thuần túy về chính trị, kinh tế, nhưng các nhà thám hiểm, nhà buôn, giới khoa học hướng tầm nhìn vượt khỏi phương Tây để đánh giá, khảo sát kỹ càng, sâu sắc cấu trúc xã hội, văn hóa khác biệt. Trong đó, tiếp xúc con người (ngoài châu Âu) là động lực chính. Đến nay, nhiều thư viện phương Tây vẫn lưu giữ những ghi chép của Marco Polo (1254 - 1324), thương gia người Venice (Vơ-ni-dơ) trong suốt 26 năm tới nhiều nước châu Á, Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Đây là tài liệu nghiên cứu giá trị về mô tả đời sống văn hóa, con người. Marco Polo nêu tỉ mỉ trong cuốn Hành ký các tập tục, nghi lễ, tôn giáo, tín ngưỡng tồn tại trong những cộng đồng tộc người, đặc biệt xã hội người Chăm ở Nam Việt Nam được nhắc đến. Vào thế kỷ XV, thương gia Phanaxi Nikitin (người Nga) viết Cuộc hành trình qua ba bể thuật lại đời sống tầng lớp tăng lữ Ấn Độ. Ngoài ra nhiều tài liệu trình bày thổ dân châu Mỹ, Á, Phi, châu Đại Dương đã mở đường phương pháp nghiên cứu loại hình Nhân chủng học, Dân tộc học, Nhân học.

Thời Trung Hoa cổ đại, những ghi chép về khác biệt của con người sinh sống nhiều địa vực khác người Hán (ở vùng Hoa Hạ giữa hai con sông Hoàng Hà, Dương Tử). Đây là cơ sở hình thành tư tưởng Hán tộc luôn tự nhận vị trí trung tâm thế giới, bốn phương tám hướng xung quanh là các khối tiền tộc kém văn minh, được người Hán gọi khinh miệt là tứ Di: Bắc Địch (Hung Nô, Tiên Kỳ, Khiết Đan, Mông Cổ...); Tây Nhung (gồm các nhóm cư dân phía Tây Hoa Hạ); Đông Di (Nhật Bản, Triều Tiên, Di châu...) và Nam Man (khôi Bách Việt và một phần nước Sở cổ đại phía Nam Hoa Hạ). Đây là quan niệm Hoa Di (Hoa Di chi biện) nhằm bành trướng, lấn chiếm từ trung tâm ra bên ngoài. Sự bảo thủ, nhất quán trên là tư tưởng cốt lõi để người Hán chèn ép, xâm lược, mở rộng để chế ra các miền đất ngoại vi, mưu đồ thôn tính, sáp nhập vào Trung Hoa<sup>5</sup>.

### 2.3. *Nhân học văn hóa trong thế kỷ XIX*

Đến giữa thế kỷ XIX, từ công trình Nguồn gốc các loài (năm 1859) và Nguồn gốc loài người và chọn lọc giới tính (năm 1871) do Charles Darwin (1809 - 1882) công bố tạo nên ảnh hưởng, tác động to lớn đến tất cả ngành khoa học: Khảo cổ học, Địa chất, Sinh vật học... Thuyết tiến hóa ra đời là kết quả tất

yếu, khách quan trong lịch sử nghiên cứu khoa học châu Âu, làm thay đổi các học thuyết trước đó, tạo nền tảng cho ngành Nhân học xuất hiện. Vào giai đoạn đầu, Dân tộc học, Lịch sử học, Nhân học có mối quan hệ liên ngành tương đồng, gần gũi. Các nhà khoa học xã hội, nhân văn phương Tây đứng trước thực tế lịch sử đang diễn ra, nhận thấy rằng cần thay đổi hướng tiếp cận, nghiên cứu con người ngoài châu Âu tại những vùng đất chưa khám phá. Nhiều bảo tàng dân tộc học khắp châu Âu tổ chức sưu tập di vật do các nhà thám hiểm, truyền giáo, quản trị thuộc địa đem về để tìm hiểu tài liệu, mô tả nhân dạng, đời sống sinh hoạt thổ dân, nhóm tộc người khắp các châu lục (ngoài châu Âu). Từ giữa thế kỷ XIX trở đi, những hiệp hội Nhân chủng học nhanh chóng phát triển, mở ra cơ hội cho các trường đại học đào tạo ngành khoa học con người (Nhân loại học, Nhân học). Đây là giai đoạn Dân tộc học, Nhân học tìm về nguồn gốc tộc người khắp thế giới theo khuynh hướng lịch sử hóa. Các nhà Dân tộc học tư sản châu Âu phân chia xã hội loài người thành ba thời kỳ lớn: mông muội, dã man, văn minh; mỗi thời kỳ phân thành từng giai đoạn nhỏ (thấp - giữa - cao). Đặc biệt xuất hiện một số công trình nghiên cứu bộ lạc, thị tộc tiền nhà nước, khối tiền tộc bằng phương pháp tàn dư, hời cổ để tái tạo, mô tả lại quá khứ.

Sự hình thành ngành Nhân học tại châu Âu trong bối cảnh cần tìm phương pháp nghiên cứu mới, toàn diện để tiếp cận tính đa dạng nhân loại qua học thuyết tiến hóa, sinh học và văn hóa. Những năm đầu thế kỷ XIX, khi quan sát xương khai quật, hài cốt, công cụ bằng đá, ngành khảo cổ đã phát hiện quá khứ nhân loại tồn tại khoảng thời gian dài hơn so với sách Kinh Thánh. Năm 1836, nhà Khảo cổ học Đan Mạch Christian Thomsen đã phân kỳ thời nguyên thủy bằng các giai đoạn: thời kỳ đồ đá, đồ đồng và đồ sắt (gọi là lứa tuổi công nghệ). Sau đó Sir Charles Lyell, nhà Địa chất học người Scotland tán thành quan điểm C. Thomsen, đồng thời chỉ xuất dấu hiệu địa chất là căn cứ xác định tuổi trái đất, kết quả thực nghiệm cho thấy trái đất cổ sơ hơn nhiều so với quan niệm trước đó.

Trong suốt nửa sau thế kỷ XIX, tư bản châu Âu liên tục bành trướng chinh phục các dân tộc phi lịch sử của thế giới tạo nên nhiều đợt tiếp xúc cưỡng bức văn hóa bằng chính sách thực dân hóa. Điều này dẫn đến cuộc giao tiếp - đụng độ - lịch sử giữa người phương Tây và bản địa (thuật ngữ nhân học gọi là giao tiếp liên văn hóa). Các cuộc xâm lăng tàn bạo gây ra ảnh hưởng to lớn, xáo trộn xã hội, thế chế những dân tộc bị áp bức, bóc lột. Thành phần tộc dân, nhân chủng thay đổi, mất đi yếu tố dạng nguyên ban đầu, cấu trúc văn hóa truyền thống biến dạng. Thực tiễn đó chỉ rõ các dân tộc, tộc người bị cuốn theo vòng quay theo tiến trình lịch sử loài người, chiếc vòi bạch tuộc thực dân Âu, Mỹ vươn khắp các châu lục. Ở châu Phi,

## CULTURE

chúng vây bắt người da đen làm nô lệ, tại châu Á là khai thác tài nguyên. Những mâu thuẫn, tranh giành quyền lợi diễn ra ngay trong lòng châu Âu, nguyên nhân dẫn đến hai cuộc đại chiến thế giới. Hàng chục triệu sinh mạng người mất đi, các dân tộc, tộc người bị tàn sát, tiêu diệt. Tại Việt Nam, trận đói lịch sử năm 1945 vẫn ghi lại trong nhiều sách giáo khoa, bằng chứng về chính sách cai trị tàn bạo, kỳ thị chủng tộc, phân biệt đối xử của chủ nghĩa thực dân Pháp ở nước ta. Ngành Nhân học khi tâm nguyên lịch sử đã tập trung nghiên cứu xã hội, dân tộc, tộc người để xác định cụ thể, chính xác lịch đại, đồng đại, biến thiên con người theo quá trình biến chứng chuỗi thời gian.

### 3. Thế kỷ XXI và nghiên cứu Nhân học văn hóa ở Việt Nam

Những năm đầu thế kỷ XXI, sự phát triển nhanh chóng của ngành Dân tộc học lan tỏa từ châu Âu sang châu Mỹ theo hiện tượng phản ứng dây chuyền. Liên tiếp xuất hiện nhiều trường phái mới, nổi bật là công trình về Phân tích tâm lý học (gọi tắt Phân tâm học/Psychoanalysis) của Sigmund Freud (người Áo). Bằng lý thuyết phân tích tâm lý, Sigmund Freud đề cập trực tiếp bản ngã nguyên thủy con người, từ đó nêu luận điểm bậc thang tiến hóa xã hội theo quy luật tâm lý sinh học. Dựa trên thuyết phân tâm học, ngành tâm lý học hình thành, phổ biến rộng rãi.

Sau thế chiến thứ 2, ngành Dân tộc học Xô Viết tại Liên Xô (cũ) đạt được nhiều thành tựu lý luận về tôn giáo, văn hóa, trong đó nổi bật lý thuyết nghiên cứu Loại hình kinh tế - văn hóa và khu vực lịch sử - văn hóa. Trong gần suốt nửa sau thế kỷ XX (1945 - 1990), ngành dân tộc học Xô Viết có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình hình thành ngành Dân tộc học, Nhân học văn hóa Việt Nam.

Xuất phát từ khái niệm: Nhân học văn hóa nghiên cứu biểu hiện văn hóa tồn tại trong từng nhóm cộng đồng, tạo nên tính thống nhất, đa dạng văn hóa Việt Nam, nên Nhân học văn hóa ở Việt Nam tập trung nghiên cứu tìm hiểu cội nguồn người Việt: là quốc gia đa tộc người, những nghiên cứu đầu tiên của Nhân học văn hóa Việt Nam là tìm về cội nguồn, tâm nguyên giai đoạn khởi thủy các nhóm tiền tộc xuất hiện đầu tiên trên đất nước ta. Các phương pháp nghiên cứu liên ngành (Khảo cổ học, Lịch sử, Sinh vật học, hóa học, Thực vật học, Động vật học) giúp xác định lịch đại mẫu vật khai quật cổ, chứng minh nguồn gốc, tổ tiên người Việt Nam. Đồng thời phân tích cấu tạo thành phần tộc dân dựa theo tiêu chí phân biệt các nhóm tộc cùng chung ngôn ngữ (Việt - Mường, Tày - Thái, Hmông - Dao...) nhưng khác nhau về văn hóa, xã hội, ý thức tộc người. Đặc biệt lưu ý đến tính chất tộc người để đánh giá khoa học, khách quan các nhóm tộc theo tiêu chí xác định thành phần tộc người (thuộc ngành tộc hay nhóm tộc).

Những hiểu biết về thời xa xưa của dân tộc Việt Nam dựa vào nguồn hiện vật khai quật khảo cổ học, phong tục, tập quán, quan hệ gia đình, khối nguyên cộng đồng tộc người do ngành Dân tộc học nghiên cứu, phát hiện. Đây là dữ liệu khoa học quan trọng trong Nhân học văn hóa, chứng minh cách đây hàng ngàn năm các khối nguyên tiền tộc tồn tại cấu trúc thị tộc mẫu hệ, các dạng quần hôn, tạp hôn cùng nhiều hình thái sơ khai hôn nhân, gia đình. Những tàn dư của tín ngưỡng nguyên thủy như đa vật linh, đa thần cổ sơ theo chiều lịch sử, được bảo lưu, gìn giữ như một tín niệm cần giải mã, bóc tách dưới góc độ nghiên cứu Dân tộc học, Nhân học, Nhân học văn hóa.

Những vấn đề về nguồn gốc, lịch sử cư trú tộc dân là lĩnh vực nghiên cứu trọng tâm của ngành Nhân học văn hóa ở Việt Nam. Vấn đề liên quan đến phân bố nhân chủng học, tính đa dạng tộc người với nhiều tiểu chủng khác nhau cần được điều tra, thống kê tỉ mỉ. Đây là công việc lâu dài, phức tạp, liên quan trực tiếp hệ mã gen dân tộc. Sự biến đổi, hòa nhập các khối tộc đang diễn ra nhanh chóng, mặc dù quan hệ hôn nhân trong cộng đồng tộc người vẫn duy trì, nhưng thực tế cho thấy nhiều hình thức hôn nhân giữa các tộc người diễn ra ngày càng phổ biến. Các thế hệ mang hai, ba huyết thống xuất hiện nhiều. Tình trạng hợp hôn, hòa hôn là hiện tượng tiếp biến tộc người xuất hiện từ thời trung, cận đại biểu hiện qua câu nói: Kinh già hóa Thổ (là thực tiễn quá trình tự đồng hóa người Kinh vào người Tày). Nhìn lại lịch sử, khi Mạc Đăng Dung chạy lên cát cứ ở Cao Bằng đã để lại dấu ấn trong hát Then người Tày với nhiều trường đoạn tiếng Kinh. Ở người Khơ Mú, từ năm 1945 trở về trước bị lệ thuộc vào người Thái. Họ chuyên làm pụa, cuông (lao dịch không công) nên phong tục, tập quán chịu ảnh hưởng sâu sắc từ người Thái, đặc biệt trong ngôn ngữ.

Nhân học văn hóa ở Việt Nam đặt nhiệm vụ tìm hiểu quá trình thiên di, chuyển cư từng nhóm tộc dân qua các giai đoạn trong lịch sử, sự phân bố tộc người tại vùng, miền, địa phương khác nhau. Một trong những phương thức sống truyền thống của nhiều tộc người là du canh du cư, tập quán này trở thành ý thức tộc người trao truyền qua các thế hệ. Trong nhóm ngôn ngữ Việt- Mường, người Chứt là tộc người có tập quán di cư, phương thức sống bằng săn bắt, hái lượm và liên tục chuyển đến các nơi biệt lập, xa lánh. Các tộc người láng giềng gọi họ là người Xá Lá Vàng (ám chỉ nhà của người Chứt lợp lá, khi lá vàng, khô héo liền bỏ đi đến vùng đất khác). Ở người Thái, trước năm 1954 tình hình cũng xảy ra tương tự. Người Thái Trắng, Thái Đen di cư từ phía Tây Bắc đến Trường Sơn suốt hàng trăm năm qua.

Ngoài việc xác minh đầy đủ, chính xác nguồn gốc, quá trình di cư, nghiên cứu lịch sử cư trú tộc người còn góp phần bóc tách các lớp văn hóa tộc người theo

## CULTURE

tầng (dày, mỏng) văn hóa chồng, đè lên nhau khi các nhóm tộc chung sống xen kẽ, liền cận.

Nghiên cứu toàn bộ vật chất, tinh thần của mỗi tộc người là tìm hiểu, giải mã các di sản văn hóa, trong đó chứa đựng bản sắc riêng biệt cùng những tiếp biến văn hóa của mỗi tộc người.

Từ truyền thống lịch sử, từng tộc dân đã tạo nên văn hóa vật chất như nhà cửa, trang phục, nông cụ, các loại thuốc chữa bệnh, ẩm thực...; văn hóa tinh thần với nghệ thuật dân gian (âm nhạc, nháy múa), hoa văn trang trí, tín ngưỡng, lễ hội, mối quan hệ ứng xử trong cộng đồng, gia đình, hôn nhân, thái độ lao động, sản xuất... Người Tày Việt Bắc đang tồn tại ba dạng cấu trúc nhà ở; phổ biến là nhà sàn với hai kiểu bằng gỗ và nhà trình tường. Trước đây, nhà sàn gỗ được dựng phổ thông với hàng cột đỡ sàn lát ván, vách ghép ván hoặc phen nứa, mái lợp lá cọ hoặc gianh. Phía sau nhà dựng một sàn nhỏ (slic) làm nơi để nước sinh hoạt gia đình. Trong nhà bố trí bàn thờ tổ tiên, nơi tiếp khách, ăn uống và các gian ngủ. Tiếp thu văn hóa từ các tộc láng giềng, trong quá trình cộng cư, sống xen kẽ, một bộ phận người Tày chuyển sang làm nhà trình tường, lợp ngói hoặc mái gianh, bếp có thể đặt trong nhà hoặc dựng riêng sát nhà chính, đây là loại nhà đất nhưng mang dáng dấp nhà sàn cổ truyền bởi cách dựng như nhà sàn. Tại các vùng sát biên giới Việt- Trung, nhà người Tày xây kiểu pháo đài (nhà phòng thủ) bằng đá hoặc đất nện, vòng quanh khu ở có đường hành lang, tường ngoài xây cao có lô cốt quan sát bên ngoài. Đây là cách bảo vệ gia đình, thân tộc tránh khỏi nạn xâm chiếm, cướp bóc, giặc dã liên miên thời trung, cận đại.

Ở người Mường, các nhà nghiên cứu dân tộc học, nhân học văn hóa tộc người tìm thấy chứng cứ khoa học về sự tồn tại của khối nguyên Việt- Mường thời xa xưa qua di vết tàn dư văn hóa trong trang trí hoa văn trên trống đồng cổ Đông Sơn được phụ nữ Mường lưu dấu trên cạp váy. Những đối chiếu, so sánh đường ký hà chạm khắc trống đồng người Việt và cạp váy Mường cho thấy sự tương hợp, gần gũi trong họa tiết, hoa văn cổ. Điều này chứng minh: người Việt- Mường cùng nguồn cội, là chủ nhân nền văn hóa Đông Sơn cách đây hàng ngàn năm.

Tại Trường Sơn - Tây Nguyên, khu vực sinh sống đại bộ phận người Môn- Khmer bản địa. Từ nửa sau thế kỷ XX, các nhà Dân tộc học, Nhân học văn hóa xác nhận: tộc Ba Na có sự phân bố rộng, suốt từ Bắc xuống Nam cao nguyên, là chủ thể đồng tộc các nhóm Giẻ Triêng, Xơ Đăng, Co, Hre, Brâu, Rơ Măm, Mnông, Xtiêng, Cơ Ho, Mạ, Chơ Ro. Người Ba Na tạo nên nét văn hóa độc đáo, đặc sắc nơi đây.

Như vậy, di sản văn hóa tộc người ở Việt Nam được

tiếp nối, bảo lưu trong cộng đồng; gia tăng sức mạnh cộng sinh, cộng cảm và cộng mệnh của các thành viên. Đây là cơ sở vững bền hình thành nên truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam.

Sau 1975, đất nước Việt Nam thống nhất, độc lập, hàng chục năm qua, những thành tựu to lớn của ngành Dân tộc học Việt Nam là tiền đề để Nhân học, Nhân học văn hóa xuất hiện, tạo điều kiện mở ra lĩnh vực nghiên cứu đa dạng trong khoa học xã hội, nhân văn Việt Nam (đặc biệt trong bối cảnh đất nước ta đang hội nhập sâu rộng với ASEAN, khu vực Thái Bình Dương, có quan hệ song phương nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới). Với 54 thành phần tộc người tạo nên khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, Nhân học văn hóa ở Việt Nam đang là hướng nghiên cứu tích hợp đặc trưng văn hóa tộc người, sáng tỏ quan điểm: Việt Nam - quốc gia cộng đồng tộc người thống nhất trong đa dạng.

## CULTURE

### CHÚ THÍCH

<sup>1</sup>Thomas L. Friedman, Thế giới phẳng: Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI, Nxb Trẻ, TP. HCM. 2006.

<sup>2</sup>Dominique Wolton (Ngô Hữu Long, Đinh Thùy Anh biên dịch), Toàn cầu hóa văn hóa, Nxb. Thế giới, H. 2007.

<sup>3</sup>Dương Phú Hiệp (chủ biên), Cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn hóa và con người Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H. 2012, tr. 35-36.

<sup>4</sup>Robert Layton (người dịch: ThS. Phan Ngọc Chiến, hiệu đính: GS.TS. Nguyễn Văn Hy), Nhập môn lý thuyết nhân học, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2007, tr.1.

<sup>5</sup>Theo GS. Trần Đình Sử, Giải mã chủ nghĩa kỳ thị dân tộc ở Trung Quốc, tienphong.vn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

#### Trong nước

**1. Dương Phú Hiệp(chủ biên) (2012), Cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn hóa và con người Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.**

**2. Trần Đình Sử (2013), Giải mã chủ nghĩa kỳ thị dân tộc ở Trung Quốc, tienphong.vn.**

**3. Trần Hoàng Tiến (chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Loan,(2015), Nhân học văn hóa, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.**

**4. Trần Hoàng Tiến, (2015), Các tộc người ở Việt Nam- Đặc điểm văn hóa, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.**

#### Nước ngoài

**5. Dominique Wolton (Ngô Hữu Long, Đinh Thùy Anh biên dịch)(2007), Toàn cầu hóa văn hóa, Nxb. Thế giới, H. 2007.**

**6. Robert Layton (người dịch: ThS. Phan Ngọc Chiến, hiệu đính: GS.TS. Nguyễn Văn Hy)(2007), Nhập môn lý thuyết nhân học, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thp.HCM.**

**7. Thomas L. Friedman (2006), Thế giới phẳng: Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI, Nxb Trẻ, Thp.HCM.**